

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
K - GIA LAI**

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25/9/2025

Về việc: “*Xin ly hôn, tranh chấp
về nuôi con chung khi ly hôn*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN K - GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Phan Huy Viễn.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Võ Văn Hưng.

2. Ông Siu Drênh.

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Thảo – Thư ký
Tòa án nhân dân k - Gia Lai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân k - Gia Lai tham gia phiên tòa:** Ông
Trần Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân k - Gia Lai xét xử sơ
thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 19/2025/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 6
năm 2025, về việc “*Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn*” theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8
năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 12
tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị Bích T, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn 2, xã K, tỉnh Gia Lai – có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Trầm Thế Hoàng P, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn 2, xã K, tỉnh Gia Lai - vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo Đơn khởi kiện ngày 23/6/2025 và bản tự khai, nguyên đơn là bà
Phạm Thị Bích T trình bày:** Tôi với anh Trầm Thế Hoàng P kết hôn với nhau
năm 2000, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh
Gia Lai cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/4/2000. Việc chúng tôi kết hôn
với nhau là hoàn toàn tự nguyện, trước khi kết hôn thì chúng tôi đã có sự tìm hiểu,
yêu thương nhau và được sự đồng ý của gia đình hai bên. Sau khi kết hôn chúng
tôi chung sống hạnh phúc và có con chung. Tuy nhiên, từ năm 2016 đến nay thì vợ
chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau dẫn đến rạn nứt tình cảm, mất
hạnh phúc gia đình. Nguyên nhân là do tôi với anh P không thống nhất với nhau
trong việc làm ăn, kinh tế, anh P thường xuyên vay mượn, nợ nần bên ngoài khiến
tôi phải trả nợ nhiều lần. Vì danh dự gia đình và không muốn con cái phải sống
trong cảnh thiếu cha, thiếu mẹ nên tôi đã cố gắng chịu đựng mong anh P sẽ thay
đổi. Thế nhưng, anh P dù hứa hẹn nhiều lần nhưng vẫn không chịu thay đổi nên

năm 2024 tôi đã nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh P. Trong quá trình Tòa án giải quyết thì anh P lại năn nỉ, hứa sẽ thay đổi nên tôi đã rút đơn về. Tuy nhiên, đến nay tình hình vẫn như cũ, không có sự thay đổi tích cực nào từ phía anh P, vợ chồng vẫn sống cùng nhà nhưng không còn quan tâm, chăm sóc gì cho nhau. Nay tôi thấy giữa tôi và anh P đã thật sự không còn tình cảm gì với nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và không thể hàn gắn nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh P.

Về con chung: Quá trình chung sống, tôi với anh P có 03 con chung là cháu Trâm Bích H, sinh ngày 23/6/2001; cháu Trâm Thế Hoàng H, sinh ngày 13/11/2008 và cháu Trâm Bích H, sinh ngày 17/01/2011. Hiện nay, cháu H đã trưởng thành và tự lập được nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng cháu. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai cháu H và H cho đến khi các cháu trưởng thành và tự lập được. Tôi cam đoan sẽ nuôi dưỡng hai cháu đầy đủ cả về vật chất lẫn tinh thần và tôi không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con cho tôi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn trong vụ án là ông Trâm Thế Hoàng P: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho ông Trâm Thế Hoàng P nhưng ông P không đến Tòa án để làm việc, không cung cấp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị Bích T cũng như các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân k – Gia Lai đã tiến hành xác minh địa chỉ nơi cư trú cũng như tình trạng hôn nhân của ông Trâm Thế Hoàng P và bà Phạm Thị Bích T vào ngày 27/3/2025 và ngày 16/4/2025, xác định: Ông Trâm Thế Hoàng P và bà Phạm Thị Bích T là vợ chồng và có đăng ký thường trú tại thôn 2, xã K, tỉnh Gia Lai. Việc ông P, bà T có mâu thuẫn với nhau trong quá trình hôn nhân thì chính quyền địa phương cũng chỉ nghe nói chứ ông bà chưa khi nào yêu cầu chính quyền địa phương can thiệp, hòa giải. Hiện nay thì ông P và bà T vẫn sinh sống tại thôn 2, xã K, tỉnh Gia Lai. Mâu thuẫn giữa ông bà xảy ra đã lâu, ông P nhiều lần đánh đập, chửi mắng bà T khiến gia đình phải can ngăn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân k – Gia Lai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong việc xây dựng hồ sơ vụ án, tiến hành các thủ tục tố tụng; việc chấp hành pháp luật của các đương sự và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: Tòa án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, các thủ tục tố tụng được đảm bảo đúng thời hạn theo đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng xét xử tuân theo pháp luật khi giải quyết vụ án, không có sai sót, vi phạm xảy ra.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Bích T và cho bà T được ly hôn với ông Trần Thế Hoàng P.
- Về con chung: Giao cháu Trần Thế Hoàng H, sinh ngày 13/11/2008 và cháu Trần Bích H, sinh ngày 17/01/2011 cho bà Phạm Thị Bích T được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên, ông P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.
- Về án phí: Bà Phạm Thị Bích T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Phạm Thị Bích T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai (nay là Tòa án nhân dân k – Gia Lai) giải quyết ly hôn với ông Trần Thế Hoàng P và yêu cầu giải quyết việc tranh chấp nuôi con chung nên đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Trần Thế Hoàng P có địa chỉ nơi cư trú tại tổ dân phố 2, thị trấn K, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai (nay là thôn 2, xã K, tỉnh Gia Lai) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân k – Gia Lai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định cho bị đơn là ông Trần Thế Hoàng P nhưng ông không có mặt để tham gia tố tụng tại Tòa án. Chính vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Thế Hoàng P theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Bích T và ông Trần Thế Hoàng P kết hôn với nhau năm 2000, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/4/2000. Việc ông bà kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện, trước khi kết hôn thì ông bà đã có sự tìm hiểu, yêu thương nhau, được sự đồng ý của gia đình hai bên và có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc với nhau và có con chung. Tuy nhiên, từ năm 2016 đến nay thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau dẫn đến rạn nứt tình cảm, mất hạnh phúc gia đình. Nguyên nhân là ông P và bà T không thống nhất với nhau trong việc làm ăn, kinh tế, ông P thường xuyên vay mượn, nợ nần bên ngoài khiến bà T phải trả nợ nhiều lần. Vì danh dự gia đình và không muốn con cái phải sống trong cảnh thiếu cha, thiếu mẹ nên bà T đã cố gắng chịu đựng với mong muốn ông P sẽ thay đổi. Thế nhưng, ông P dù hứa hẹn nhiều lần nhưng vẫn không chịu thay đổi nên năm 2024 bà T đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông P. Trong quá trình Tòa án đang giải quyết vụ án thì ông P năn nỉ, hứa sẽ thay đổi

nên bà T đã rút đơn về. Tuy nhiên, đến nay tình hình vẫn như cũ, không có sự thay đổi tích cực nào từ phía ông P, vợ chồng ông bà vẫn sống cùng nhà nhưng không còn quan tâm, chăm sóc gì cho nhau. Nay bà T thấy giữa bà và ông P đã thật sự không còn tình cảm gì với nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và không thể hàn gắn nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P.

Về phía bị đơn là ông Trần Thế Hoàng P thì trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án thông báo và triệu tập hợp lệ nhưng ông không đến Tòa án để tham gia tố tụng giải quyết vụ án. Việc không chấp hành của ông P thể hiện thái độ không tôn trọng pháp luật, không những từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình mà còn gây khó khăn, cản trở cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với ông P đồng thời căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà cũng như xem xét ý kiến của nguyên đơn để quyết định về vụ án là hợp lý. Ông P phải chịu hậu quả của việc không thực hiện nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình đồng thời vợ chồng còn có nghĩa vụ chung sống với nhau. Tuy nhiên, có thể thấy cuộc sống chung giữa bà Phạm Thị Bích T và ông Trần Thế Hoàng P đã thực sự không còn hạnh phúc, ông bà đã không còn quan tâm, chăm sóc gì cho nhau. Năm 2024, bà T đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông P nhưng trong quá trình Tòa án đang giải quyết vụ án thì ông P năn nỉ, hứa sẽ thay đổi nên bà T đã rút đơn về. Tuy nhiên, đến nay tình hình vẫn như cũ, không có sự thay đổi tích cực nào từ phía ông P. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà đã thực sự trầm trọng và không thể khắc phục, hàn gắn được. Như vậy, có thể thấy đời sống chung của ông bà không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T và cho bà được ly hôn với ông P là phù hợp.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Phạm Thị Bích T và ông Trần Thế Hoàng P có 03 con chung là cháu Trần Bích H, sinh ngày 23/6/2001; cháu Trần Thế Hoàng H, sinh ngày 13/11/2008 và cháu Trần Bích H, sinh ngày 17/01/2011. Hiện nay, cháu H đã trưởng thành và tự lập được nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng cháu. Riêng cháu H và cháu H còn nhỏ, đang sống phụ thuộc vào cha mẹ nên khi ly hôn bà T có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai cháu H và H cho đến khi các cháu trưởng thành và tự lập được. Bà cũng cam đoan sẽ nuôi dưỡng hai cháu đầy đủ cả về vật chất lẫn tinh thần và không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con cho bà.

Về phần ông Trần Thế Hoàng P không có ý kiến gì.

Xét nguyện vọng xin được nuôi con của bà T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cha, mẹ đều có quyền bình đẳng trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc giao con cho ai nuôi thì phải căn cứ vào khả năng và trách nhiệm của người đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, cháu H và cháu H cũng có ý kiến thể hiện mong muốn được ở với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Ngoài ra, bản thân cháu H còn nhỏ và là

con gái nên cháu cần tình yêu thương và sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Chính vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định và quyền lợi của cháu H và cháu H về mọi mặt thì cần chấp nhận nguyện vọng của bà T và giao cho bà được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H và cháu H là phù hợp.

Đối với cháu Trầm Bích H hiện đã trưởng thành và tự lập được nên Hội đồng xét xử không xem xét việc nuôi dưỡng cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con, bà cam đoan sẽ chăm lo đầy đủ cho con cả về vật chất lẫn tinh thần. Xét đây là sự tự nguyện của bà T nên Hội đồng xét xử chấp nhận và không buộc ông P phải cấp dưỡng nuôi con cho bà T.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có tranh chấp và các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với nội dung vụ án là phù hợp với các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Bà Phạm Thị Bích T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 235, 238, 264, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Bích T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Bích T được ly hôn với ông Trầm Thế Hoàng P.

- Về con chung: Giao cháu Trầm Thế Hoàng H, sinh ngày 13/11/2008 và cháu Trầm Bích H, sinh ngày 17/01/2011 cho bà Phạm Thị Bích T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Ông Trầm Thế Hoàng P không phải cấp dưỡng nuôi con cho bà Phạm Thị Bích T.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của các đương sự hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị Bích T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0003619 ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Gia Lai; bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND k – Gia Lai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai
(Phòng Thi hành án dân sự k);
- Các đương sự;
- UBND xã K,
tỉnh Gia Lai (lưu hồ sơ kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phan Huy Viễn